INTERNATIONAL TRADE: FROM THEORY TO COUNTERVAILING DUTIES IN VIETNAM

Tran Thi Hang[1]
Nguyen Van Trong[2]

[1, 2] Thanh Do University
Email: *hanghavkt@gmail.com*[1]*; nvtrong@thanhdouni.edu.vn* [2]
Received: 27/5/2025; Reviewed: 3/6/2025; Revised: 13/6/2025; Accepted: 26/6/2025
DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.245*

Abstract: *In international trade, the use of countervailing duties is one of the tools that countries employ to protect the interests of domestic businesses during integration and market opening. This article selects and examines six international trade theories, ranging from classical to modern economics, to partly explain why countries apply countervailing duties. It also analyzes Vietnam's application of countervailing duties on certain imported products from China, South Korea, and Thailand. At the same time, it explores Vietnam's response to the imposition of countervailing duties by the United States and offers related analysis and discussion.*

Keywords: *In Vietnam; International trade; Countervailing duties.*

1. Đặt vấn đề

Thương mại quốc tế giữa các quốc gia ngày càng được đẩy mạnh khi thế giới chuyển nhanh sang nền kinh tế số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data). Tuy nhiên một số vấn đề bất ổn đặt ra trong cán cân thương mại quốc tế của các quốc gia như nhập siêu, xuất siêu, thâm hụt cán cân thanh toán... Đặc biệt năm 2025, khi tổng thống Trump (Hoa Kỳ) phê duyệt thuế đối ứng trong thương mại quốc tế với các nước trong đó có Việt Nam với mức thuế rất cao. Chính sách này có thể gây ra tác động đáng kể đến hoạt động xuất khẩu, cơ cấu ngành hàng và năng lực cạnh tranh quốc tế của Việt Nam. Do đó, việc nhận diện đúng bản chất và xu hướng của các biện pháp thuế đối ứng, cũng như đánh giá tác động kinh tế - xã hội của chúng, là yêu cầu cấp thiết để Việt Nam và các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược thích ứng, đảm bảo ổn định thương mại và tăng trưởng bền vững.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Lý thuyết của Dani Rodrik được trình bày trong tác phẩm "The Globalization Paradox" (2011), đã thu hút sự chú ý và tranh luận của nhiều nhà khoa học toàn cầu. Dưới đây là tổng quan quan điểm các nhà khoa học phản hồi lý thuyết này:

Joseph Stiglitz (Giải Nobel Kinh tế), đồng tình với Rodrik về những rủi ro của toàn cầu hóa mất kiểm soát. Trong sách "Globalization and Its Discontents", (2002) Stiglitz cũng phê phán IMF và WTO vì áp đặt các chính sách kinh tế vi mô mà không quan tâm đến điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Ha -Joon Chang (2002), ủng hộ quan điểm rằng các nước đang phát triển cần có "chính sách công nghiệp chủ động", trái ngược với những ràng buộc từ toàn cầu hóa. Jagdish Bhagwati (2004) cho rằng Rodrik quá bi quan về toàn cầu hóa và đánh giá thấp khả năng của các nước trong việc dung hòa các yếu tố mâu thuẫn. Và thương mại tự do có thể cùng tồn tại với dân chủ nếu chính sách phân phối nội bộ được thực hiện tốt.

Trong bài viết của Thu Minh (2025) "Thuế đối ứng của Mỹ gây ảnh hưởng thế nào tới lợi nhuận nhóm ngân hàng?" cho thấy nhóm ngân hàng bị tác động tương đối phức tạp, do mối liên hệ của ngân hàng đến các ngành bị ảnh hưởng trực tiếp như dệt may, thủy sản, đồ gỗ và FDI, cũng như các ngành bị ảnh hưởng gián tiếp như tiêu dùng và bất động sản. Nhóm ngân hàng dự kiến sẽ phải đối mặt với rủi ro nợ xấu, chi phí tín dụng tăng, thu nhập từ tài trợ thương mại và giao dịch ngoại hối giảm, đồng thời phải giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Trong bài viết "Thuế đối ứng 46% từ Mỹ: Các phản ứng của doanh nghiệp Việt Nam", tác giả Thanh Thương (2025) đã tóm tắt thông tin phản ứng các doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực đã gấp rút họp đánh giá và tìm cách ứng phó. Đại diện cho từng nhóm ngành hàng đều đưa ra quan điểm và

giải pháp thích ứng.

Như vậy có nhiều cách tiếp cận vấn đề thuế đối ứng dưới góc độ lý thuyết thương mại quốc tế và phản ứng của các chủ thể kinh tế. Tuy nhiên việc lý giải hành vi áp thuế đối ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa mới và phân tích cụ thể về phản ứng chính sách của Việt Nam trên cả bình diện chiến lược quốc gia và cấp độ doanh nghiệp là cách bài viết này tiếp cận.

3. Đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Bài viết nghiên cứu mối quan hệ lý thuyết thương mại quốc tế và việc áp dụng thuế đối ứng ở Việt Nam. Tuy nhiên trong bài viết chỉ đề cập đến 2 trường phái lý thuyết cổ điển, 4 trường phái lý thuyết hiện đại trong thương mại quốc tế và thực tiễn áp dụng thuế đối ứng tại Việt Nam trong bối cảnh chính sách thuế mới của Hoa Kỳ năm 2025, nhằm rút ra những hàm ý chính sách cho doanh nghiệp và Nhà nước.

Phương pháp nghiên cứu: Bài viết sử dụng phương pháp thu thập, khái quát, tóm lược các công trình khoa học có liên quan đến thương mại quốc tế. Đồng thời bài viết sử dụng phương pháp phân tích, so sánh giữa lý thuyết thương mại quốc tế với thực tế áp dụng chính sách thuế đối ứng hiện nay nhất là tác động thuế đối ứng của Chính phủ Mỹ đang đưa ra cho các quốc gia trong đó có Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các lý thuyết về thương mại quốc tế

4.1.1. Các trường phái kinh tế học cổ điển về thương mại quốc tế

4.1.1.1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith

Adam Smith là nhà kinh tế chính trị cổ điển ở Anh. Trong công trình khoa học "Của cải của các dân tộc" (1776), Adam Smith đưa ra học thuyết lợi thế tuyệt đối trong thương mại quốc tế. Ông cho rằng buôn bán ngoại thương giữa các quốc gia muốn bền vững phải mang tính chất bình đẳng (trao đổi ngang giá) và mang lại lợi ích cho cả hai bên. Việc trao đổi hàng hóa căn cứ trên cơ sở chi phí sản xuất ra hàng hóa đó. Mặt khác Adam Smith cũng cho rằng trong thương mại quốc tế, các quốc gia nên sản xuất chuyên môn hóa trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Các quốc gia sẽ có lợi nếu tập trung chuyên môn hóa sản xuất những sản phẩm mà mình có lợi thế tuyệt đối (bao gồm cả lợi thế tự nhiên và lợi thế do tay nghề). Sản xuất và trao đổi sản phẩm dựa trên cơ sở lợi thế tuyệt đối sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cho cả quốc gia xuất khẩu lẫn quốc gia nhập khẩu và nhờ vậy có lợi cho cả thế giới nói chung.

Adam Smith coi trọng "Bàn tay vô hình", tức là sự điều tiết của thị trường còn Nhà nước không nên can thiệp hoạt động thương mại, mà để chúng tự vận động theo các quy luật kinh tế khách quan.

Ưu điểm lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith

Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối giải thích bản chất kinh tế và ích lợi trong thương mại quốc tế giữa các quốc gia thời kì đầu công nghiệp hóa ở châu Âu. Lý thuyết này đã được các quốc gia sử dụng trong một số trường hợp, lợi thế tuyệt đối là cơ sở để các quốc gia xác định hướng chuyên môn hóa và trao đổi các mặt hàng trong thương mại quốc tế.

Nhược điểm lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith

Học thuyết được xây dựng dựa trên cơ sở thương mại hàng hóa (hàng đổi hàng giản đơn), trong thương mại quốc tế ngày nay còn gồm cả thương mại dịch vụ và chưa tính toán hết được các yếu tố trong thương mại quốc tế như vận tải, văn hóa, sở thích.... Lý thuyết lợi thế tuyệt đối cũng không giải thích được quan hệ thương mại giữa hai nước mà lợi thế tuyệt đối dồn hết về một bên.

4.1.1.2. Lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo

Quan điểm lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo

Theo David Ricardo, thương mại quốc tế vẫn có thể diễn ra giữa hai quốc gia mà lợi thế tuyệt đối dồn hết về một phía. Một nước có hiệu quả sản xuất thấp hơn (chi phí cao hơn) trong sản xuất hầu hết các loại sản phẩm thì vẫn có thể tham gia vào phân công lao động quốc tế và trao đổi ngoại thương, thông qua chuyên môn hóa sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm có lợi thế so sánh.

Ưu điểm lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo

Thuyết lợi thế so sánh tiến bộ hơn rất nhiều so với thuyết lợi thế tuyệt đối. Do đó, lý thuyết này được ứng dụng rộng rãi và phát triển cho đến ngày nay. Đặc biệt, học thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo còn được coi là nền tảng cho sự vận hành của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Nhược điểm lý thuyết lợi thế so sánh của David

Ricardo

Học thuyết chưa tính đến các yếu tố ngoài lao động ảnh hưởng đến lợi thế của hàng hóa và trao đổi ngoại thương như: sự thay đổi công nghệ, chi phí vận tải, bảo hiểm hàng hóa và hàng rào bảo hộ thương mại. Những giả định của Ricardo khi phân tích mô hình thương mại giản đơn giữa hai quốc gia có nhiều điểm không thực tế.

Nhận xét chung về các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế

Hai học thuyết cổ điển về thương mại quốc tế đều nhấn mạnh yếu tố từ phía cung sản xuất là yếu tố quy định hoạt động thương mại quốc tế. Thực tế thương mại quốc tế hiện nay cho thấy, yếu tố từ phía cầu cũng tạo ra động lực rất lớn cho trao đổi thương mại giữa các nước.

Về mặt chính sách, các nhà kinh tế học cổ điển đều đánh giá thấp sự can thiệp của Nhà nước trong thương mại quốc tế. Nhà nước chỉ can thiệp vào nền kinh tế nói chung và thương mại quốc tế nói riêng ở mức hạn chế.

Mặt khác cả hai học thuyết này được xây dựng trên cơ sở học thuyết giá trị lao động, theo đó lao động là yếu tố sản xuất duy nhất và đồng nhất trong tất cả các ngành sản xuất. Do tính chất phi thực tế này đòi hỏi tiếp tục có các học thuyết ra đời tiếp theo để giải thích chính xác hơn nữa bản chất của thương mại quốc tế.

4.1.2. Các lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế

4.1.2.1. Lý thuyết Heckscher-Ohlin (H-O)

Lý thuyết Heckscher-Ohlin (H-O) ra đời vào đầu thế kỷ 20, là một trong những lý thuyết quan trọng trong kinh tế học quốc tế, giải thích cơ sở của thương mại quốc tế dựa trên sự khác biệt về nguồn lực sản xuất giữa các quốc gia.

Nội dung cốt lõi của lý thuyết Heckscher-Ohlin

Mỗi quốc gia sẽ xuất khẩu những hàng hóa sử dụng nhiều yếu tố sản xuất mà quốc gia đó dồi dào và nhập khẩu những hàng hóa sử dụng nhiều yếu tố sản xuất mà quốc gia đó khan hiếm.

Các định lý bổ sung liên quan đến H-O

Định lý Stolper-Samuelson: Khi giá của hàng hóa tăng lên, thu nhập thực tế của yếu tố sản xuất được sử dụng nhiều trong ngành đó cũng sẽ tăng lên, còn yếu tố kia bị giảm.

Định lý Rybczynski: Khi một yếu tố sản xuất tăng (giả sử vốn tăng), sản lượng hàng hóa sử dụng nhiều yếu tố đó sẽ tăng nhiều, còn hàng hóa kia sẽ giảm. Cho thấy tác động của tăng trưởng nguồn lực đến cơ cấu sản xuất.

Định lý cân bằng giá yếu tố: Trong điều kiện thương mại tự do, giá các yếu tố sản xuất (lương, lợi nhuận vốn) giữa các quốc gia sẽ có xu hướng tiệm cận bằng nhau, do thương mại hàng hóa thay thế cho di chuyển yếu tố sản xuất.

Ưu điểm của của lý thuyết H-O

Lý thuyết H-O giải thích được cơ sở lợi thế so sánh không phải chỉ do năng suất, mà còn do cơ cấu nguồn lực của các quốc gia trong quá trình sản xuất. Lý thuyết này cũng dự đoán các mẫu hình thương mại giữa các nước có cấu trúc kinh tế khác nhau, sát thực tế diễn ra.

Lý thuyết Heckscher-Ohlin là nền tảng trong kinh tế học thương mại quốc tế hiện đại, cung cấp một cái nhìn sâu sắc về nguyên nhân và lợi ích của trao đổi thương mại giữa các quốc gia dựa trên sự phân bổ yếu tố sản xuất.

Hạn chế của mô hình H-O

Giả định đơn giản (2 quốc gia, 2 hàng hóa, 2 yếu tố) không phản ánh thực tế phức tạp. Không tính đến chi phí vận chuyển, rào cản thương mại, công nghệ khác nhau giữa các nước.

4.1.2.2. Lý thuyết thương mại chiến lược

Lý thuyết này được phát triển bởi các nhà kinh tế như James Brander và Barbara Spencer (1985) với mô hình nổi tiếng:

Mô hình Brander-Spencer: Trong ngành cạnh tranh không hoàn hảo, nếu một quốc gia trợ cấp cho công ty nội địa để thâm nhập thị trường quốc tế, công ty đó có thể đẩy công ty nước ngoài ra khỏi thị trường và chiếm toàn bộ lợi nhuận toàn cầu.

Lý thuyết thương mại chiến lược cho rằng: Trong những ngành có lợi thế quy mô hoặc tác động mạng lưới, việc giành được thị phần lớn sớm sẽ tạo ra lợi nhuận khổng lồ lâu dài. Mặt khác sự can thiệp chiến lược của chính phủ như trợ cấp, ưu đãi thuế, bảo hộ…có thể giúp doanh nghiệp nội địa chiếm lĩnh thị trường toàn cầu, từ đó tăng phúc lợi quốc gia.

Lý thuyết này chủ yếu áp dụng cho các ngành công nghiệp có tính chiến lược, cụ thể: Có rào cản gia nhập cao; Số lượng công ty cạnh tranh nhỏ (cạnh tranh không hoàn hảo); Doanh nghiệp đạt được lợi nhuận siêu ngạch khi giành thị phần lớn.

Ưu điểm của lý thuyết

Lý thuyết này giúp quốc gia nắm bắt lợi nhuận

độc quyền toàn cầu, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp mũi nhọn, đồng thời làm tăng cường vị thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Hạn chế của lý thuyết

Việc xác định chính xác ngành nào là "chiến lược" ở các quốc gia trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, biến đổi nhanh là không dễ. Rủi ro đặt ra khi chính phủ chọn sai ngành chiến lược, dẫn đến tập trung nguồn lực, chính sách vào các doanh nghiệp ngành này, làm chậm quá trình phát triển của quốc gia đó. Bên cạnh đó có thể dẫn đến chiến tranh thương mại nếu các nước cùng áp dụng biện pháp hỗ trợ cạnh tranh.

4.1.2.3. Richard Baldwin – Toàn cầu hóa 2.0, công nghệ số và GVC

Richard Baldwin là một nhà kinh tế học nổi tiếng, cựu cố vấn kinh tế tại WTO. Tác phẩm nổi bật của ông là "The Great Convergence" (2016) và các nghiên cứu về "Globotics". Baldwin chia quá trình toàn cầu hóa thành 3 giai đoạn chính:

Toàn cầu hóa 1.0 (thế kỷ 19 – 1980s): Chủ yếu là trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia. Được thúc đẩy bởi giảm chi phí vận chuyển (tàu thủy, đường sắt...). Các quốc gia xuất khẩu sản phẩm cuối cùng.

Toàn cầu hóa 2.0 (1980s – nay): Chuyển từ trao đổi hàng hóa sang trao đổi sản xuất. Các công ty đa quốc gia phân mảnh chuỗi sản xuất toàn cầu, hình thành chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs). Được thúc đẩy bởi giảm chi phí truyền thông và công nghệ thông tin. Ví dụ: Apple thiết kế ở Mỹ, sản xuất ở Trung Quốc, linh kiện từ Nhật…

Toàn cầu hóa 3.0 (đang diễn ra – "Globotics"): Sự kết hợp giữa globalization và robotics + AI. Lao động dịch vụ, trí thức có thể được "xuất khẩu số" qua Internet (dịch vụ kế toán, thiết kế, tư vấn...). Gọi là "dịch chuyển công việc dịch vụ qua biên giới bằng kỹ thuật số".

Baldwin cũng đánh giá tác động của công nghệ số đến thương mại toàn cầu đó là: Giảm chi phí giao dịch và phối hợp. Các công ty có thể dễ dàng tổ chức sản xuất phân tán. Ví dụ sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI)…giúp tối ưu hóa chuỗi cung ứng và dự báo nhu cầu chính xác trong thương mại quốc tế. Mặt khác các nước đang phát triển có thể mất lợi thế lao động giá rẻ do tự động hóa khi robot được áp dụng. Tuy nhiên các nước đang phát triển cũng được tiếp cận công nghệ nhanh hơn, tạo cơ hội rút ngắn khoảng cách các nước phát triển.

Cạnh tranh trong dịch vụ số sẽ ngày càng gay gắt. Thị trường lao động cũng diễn ra khốc liệt khi hình thức làm việc từ xa đang trở thành xu hướng giữa các doanh nghiệp, tập đoàn ở các quốc gia.

Có thể nói Richard Baldwin cung cấp một góc nhìn mới về thương mại quốc tế hiện đại không chỉ qua hàng hóa, mà còn qua dịch vụ số và lao động trí thức. Ông cho rằng công nghệ số không làm toàn cầu hóa chậm lại, mà chỉ thay đổi hình thái và tốc độ. Trong bối cảnh này, các nước cần thích nghi với mô hình GVC mới – linh hoạt hơn, số hóa hơn, và đầy biến động hơn.

4.1.2.4. Dani Rodrik – Toàn cầu hóa và các giới hạn của chính sách quốc gia.

Dani Rodrik là một nhà kinh tế học nổi tiếng với những quan điểm về toàn cầu hóa, phát triển kinh tế và vai trò của nhà nước. Trong tác phẩm *"Toàn cầu hóa và các giới hạn của chính sách quốc gia"* Rodrik đề xuất một "bộ ba bất khả thi" trong bối cảnh toàn cầu hóa đó là: Toàn cầu hóa kinh tế sâu rộng; Chủ quyền quốc gia; Dân chủ chính trị. Ông cho rằng một quốc gia không thể có cả ba đồng thời 3 yếu tố này và chỉ có thể chọn hai trong ba. Điều này tùy thuộc Chính phủ quốc gia đó lựa chọn.

- Nếu muốn toàn cầu hóa + chủ quyền quốc gia → phải giảm dân chủ (ra quyết định không qua quy trình dân chủ).
- Nếu muốn dân chủ + chủ quyền quốc gia → phải giảm toàn cầu hóa (đặt ra rào cản bảo vệ).
- Nếu muốn toàn cầu hóa + dân chủ → cần một chính phủ toàn cầu, điều hiện chưa thực tế.

Ngoài bộ 3 bất khả thi, Rodrik còn cho rằng quá trình toàn cầu hóa làm giảm khả năng của các chính phủ trong việc thực hiện các chính sách phục vụ lợi ích quốc gia như: Kiểm soát tài chính và tiền tệ; Điều chỉnh thị trường lao động; Bảo vệ ngành công nghiệp nội địa; Các nước buộc phải tuân theo "luật chơi" của thị trường toàn cầu, dẫn đến tình trạng mất cân đối giữa lợi ích của người dân trong nước và yêu cầu từ bên ngoài (như các hiệp định thương mại, tổ chức tài chính quốc tế). Trong một số trường hợp, bảo hộ có chọn lọc là cần thiết để bảo vệ người lao động và các ngành công nghiệp chiến lược. Chính vì thế Rodrik nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong việc định hướng và can thiệp vào nền kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ quyền lợi của người lao động và quốc gia.

Nhìn chung lý thuyết kinh tế quốc tế hiện đại không chỉ mở rộng từ các mô hình cổ điển mà còn phản ánh các thay đổi sâu sắc trong cấu trúc toàn cầu như công nghệ, môi trường, bất bình đẳng và chính trị. Nó phản ánh ngày càng sát hơn diễn biến phức tạp lợi ích các quốc gia khi tham gia thương mại quốc tế.

4.2. Thực tiễn thuế đối ứng trong thương mại quốc tế ở Việt Nam

4.2.1. Một số khái niệm thuế đối ứng

Thuế đối ứng (thuế trả đũa): là một biện pháp mà chính phủ một quốc gia sử dụng để đáp trả việc một quốc gia khác áp đặt thuế bất công hoặc phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế. Về mặt lý thuyết, thuế đối ứng là một phần của chính sách thương mại bảo hộ, nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế và ngành sản xuất trong nước.

Thuế chống trợ cấp: Là loại thuế nhập khẩu đánh vào hàng hóa nước ngoài khi hàng hóa đó được trợ cấp bởi chính phủ nước xuất khẩu, gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa. Mục đích là tạo sự công bằng trong cạnh tranh thương mại.

Thuế trả đũa: Khi một quốc gia đánh thuế hoặc áp rào cản thương mại bất lợi, quốc gia bị ảnh hưởng có thể áp dụng thuế đối ứng để đáp trả.

Thuế đối ứng trong các hiệp định song phương: Trong một số hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương, các quốc gia có thể cam kết thuế suất tương hỗ (thuế đối ứng), tức là cùng áp dụng ưu đãi hoặc nghĩa vụ tương đương cho nhau.

Thuế đối ứng là biện pháp thương mại phòng vệ được Tổ chức Thương mại Thế giới cho phép, với mục tiêu: Trả đũa lại chính sách thương mại không công bằng; Gây áp lực buộc quốc gia kia gỡ bỏ hoặc điều chỉnh biện pháp không công bằng; Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngành sản xuất trong nước.

Mặt khác thuế đối ứng chỉ được áp dụng khi: Quốc gia xuất khẩu trợ cấp hàng hóa một cách không phù hợp với quy định của WTO, gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước của quốc gia nhập khẩu; Có cuộc điều tra hợp lệ, được thực hiện theo quy định của pháp luật trong nước và cam kết quốc tế; Kết luận điều tra chứng minh có sự trợ cấp và thiệt hại rõ ràng.

4.2.2. Việt Nam áp dụng thuế đối ứng với một số sản phẩm trong thương mại quốc tế

4.2.2.1. Đối với sản phẩm phân bón DAP và MAP nhập khẩu

Việt Nam đã từng áp dụng biện pháp tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, bao gồm từ Trung Quốc và Hàn Quốc, nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự gia tăng mạnh mẽ của hàng nhập khẩu.

Ngày 4 tháng 8 năm 2017, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BCT áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, với mức thuế là 1.855.790 đồng/tấn, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2017 đến ngày 6 tháng 3 năm 2018 (Bộ Công Thương 2018). Sau đó, biện pháp tự vệ được gia hạn và mức thuế được điều chỉnh giảm dần qua các năm. Cụ thể, từ ngày 7 tháng 3 năm 2020 đến ngày 6 tháng 9 năm 2022, mức thuế tự vệ được điều chỉnh giảm từ 1.050.663 đồng/tấn xuống còn 1.007.778 đồng/tấn. Đến ngày 7 tháng 9 năm 2022, Bộ Công Thương quyết định không gia hạn biện pháp tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, đưa mức thuế về 0 đồng/tấn (Long & Bản 2022). Tính đến thời điểm hiện tại (tháng 5 năm 2025), Việt Nam không còn áp dụng thuế tự vệ đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc hay bất kỳ quốc gia nào khác.

4.2.2.2. Đối với sản phẩm mía đường

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, Bộ Công Thương Việt Nam ban hành Quyết định số 1578/QĐ-BCT, áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan. Mức thuế như sau:

- Thuế chống bán phá giá: 42,99
- Thuế chống trợ cấp: 4,65%
- Tổng cộng: 47,64% (Thy Thảo 2023)

Theo Thy Thảo (2023), các loại thuế này được áp dụng trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021 đến 15 tháng 6 năm 2026, trừ khi có quyết định gia hạn hoặc thay đổi từ Bộ Công Thương. Việc Việt Nam đã áp dụng các biện pháp thuế đối ứng đối với sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan nhằm bảo vệ ngành mía đường trong nước trước tình trạng bán phá giá và trợ cấp từ phía Thái Lan (Minh, 2022).

Để ngăn chặn việc lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại, từ ngày 9 tháng 8 năm 2022, Việt Nam áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar nếu các sản phẩm này có sử dụng

nguyên liệu đường mía có nguồn gốc từ Thái Lan (Trang trại Việt). Mức thuế áp dụng tương tự như đối với đường mía nhập khẩu trực tiếp từ Thái Lan. Tháng 8 năm 2023, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát và điều chỉnh mức thuế đối với một số doanh nghiệp Thái Lan. Theo đó, mức thuế chống bán phá giá dao động từ 25,73% đến 32,75%, tùy thuộc vào từng doanh nghiệp, trong khi thuế chống trợ cấp vẫn giữ ở mức 4,65%. Việc áp dụng các biện pháp thuế đối ứng đã giúp ngành mía đường Việt Nam hồi phục đáng kể. Lượng đường nhập khẩu từ Thái Lan giảm mạnh, tạo điều kiện cho sản phẩm trong nước tiêu thụ tốt hơn và giá cả ổn định hơn (VCCI, 2022).

4.2.2.3. Đối với thép cuộn cán nguội và thép mạ từ Trung Quốc, Hàn Quốc

Việt Nam đã áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc, nhằm bảo vệ ngành sản xuất thép trong nước trước tình trạng nhập khẩu gia tăng mạnh mẽ (Trung, 2025).

Theo Bộ Công Thương (2025), đối với thép mạ từ Trung Quốc, mức thuế cao nhất lên đến 37,13%. Thép mạ từ Hàn Quốc, mức thuế tối đa là 15,67%. Các mức thuế này được áp dụng tùy theo từng nhà sản xuất và xuất khẩu cụ thể. Một số doanh nghiệp được miễn thuế hoặc áp dụng mức thuế thấp hơn, chẳng hạn như POSCO và KG Dongbu Steel từ Hàn Quốc, cũng như Boxing Hengrui New Material Co., Ltd. từ Trung Quốc, do không gây ảnh hưởng tiêu cực đến ngành thép Việt Nam.

Thời gian và phạm vi áp dụng: Quyết định có hiệu lực từ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và kéo dài trong 120 ngày.

Sản phẩm áp dụng: Bao gồm thép carbon cán phẳng ở dạng cuộn và không cuộn, có hàm lượng carbon dưới 0,6% theo khối lượng, đã được phủ, tráng hoặc mạ kim loại chống ăn mòn như kẽm, nhôm hoặc hợp kim gốc sắt. Một số sản phẩm như thép mạ crom, thép không gỉ hoặc thép mạ kẽm bằng phương pháp điện phân không nằm trong phạm vi áp thuế (Hưng, 2025).

Nguyên nhân áp dụng: Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, trong 12 tháng tính đến hết tháng 3 năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu 454.000 tấn thép mạ từ Trung Quốc và Hàn Quốc, tăng 91% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, trong 9 tháng cuối năm 2024, lượng nhập khẩu đạt khoảng 382.000 tấn, tăng 20% so với cùng kỳ, dù Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra chống bán phá giá từ trước đó. Việc nhập khẩu thép mạ gia tăng nhanh chóng có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước nếu không có biện pháp kiểm soát kịp thời. Do đó, thuế chống bán phá giá tạm thời được xem là giải pháp cấp thiết để bảo vệ thị trường nội địa (Trung, 2025).

Chính phủ Việt Nam không thường xuyên dùng "thuế đối ứng" một cách trực tiếp như các cường quốc thương mại (ví dụ Mỹ, Trung Quốc), nhưng lại tích cực sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại - một hình thức đối ứng hợp pháp và khôn khéo. Điều này cho thấy Việt Nam đang ngày càng chủ động bảo vệ lợi ích thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2.3. Việt Nam ứng xử khi bị áp thuế đối ứng trong thương mại quốc tế

Việt Nam đã có phản ứng nhanh chóng và linh hoạt trước quyết định của Mỹ áp thuế đối ứng 46% lên hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Dưới đây là các bước đi chính của Việt Nam:

Phản ứng ngoại giao và chính trị cấp cao

Ngay sau khi Mỹ công bố mức thuế đối ứng vào ngày 2 tháng 4 năm 2025, Tổng Bí thư Tô Lâm đã điện đàm với Tổng thống Donald Trump để bày tỏ quan ngại và đề xuất hợp tác nhằm giải quyết vấn đề. Ông Tô Lâm có đề nghị tăng nhập khẩu hàng hóa Mỹ, kiểm soát xuất xứ hàng hóa và mời ông Trump thăm Việt Nam .

Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam (Phạm Thu Hằng), cũng bày tỏ sự tiếc nuối trước quyết định của Mỹ, cho rằng mức thuế này không phản ánh đúng tinh thần hợp tác kinh tế - thương mại cùng có lợi giữa hai nước và có thể tác động tiêu cực đến quan hệ song phương .

Đàm phán và đối thoại song phương

Việt Nam đã chủ động thúc đẩy đàm phán với Mỹ để tìm giải pháp. Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc đã gặp gỡ đại diện Thương mại Mỹ, ông Jamieson Greer, để trao đổi về việc khởi động đàm phán một thỏa thuận thương mại song phương. Hai bên nhất trí sẽ tiến hành trao đổi kỹ thuật nhằm giảm thiểu rào cản thương mại và thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi .

Điều chỉnh chính sách thuế và thương mại

Trước đó, Việt Nam đã ban hành Nghị định 73/2025, giảm thuế nhập khẩu MFN đối với 16 nhóm mặt hàng, trong đó có nhiều mặt hàng từ Mỹ như ô tô và gỗ. Đây là nỗ lực nhằm cân bằng thương

mại và thể hiện thiện chí trong quan hệ với Mỹ.

Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước

Chính phủ và các bộ ngành đã tổ chức hội thảo, cung cấp thông tin và hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế của Mỹ. Tại thành phố Huế, khoảng 200 doanh nghiệp trong các ngành may mặc, phụ tùng ô tô, nông nghiệp... đã được thông tin và hỗ trợ để thích ứng với tình hình mới.

Nhóm các mặt hàng của khối doanh nghiệp FDI xuất siêu cần rà soát chính sách về thuế, ưu đãi thuế với các ảnh hưởng từ việc áp đặt thuế mới; kiên quyết loại bỏ các doanh nghiệp nước ngoài đội lốt xuất siêu sang Hoa Kỳ, còn lại sẽ đảm bảo những ưu đãi về thuế đã cam kết và chia sẻ gánh nặng thuế nếu có thể... Với nhóm các mặt hàng Việt Nam xuất siêu như dệt may, giầy dép, đồ gỗ, thủy sản... cần phân tích rõ chuỗi giá trị Việt Nam được hưởng lợi với giá trị thuế mới. Việt Nam cần điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế toàn diện với tầm nhìn dài hạn, xác định rõ các ngành công nghiệp mũi nhọn để tập trung đầu tư. Trong tương lai, nhiều ngành nghề và dịch vụ đơn giản sẽ bị loại bỏ do việc chuyển đổi số và công nghệ robot, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI)... Vì vậy, nên đề xuất chọn công nghệ bán dẫn, AI, phần mềm, kinh tế số, hạt nhân, vật liệu mới... để mở cửa cho doanh nghiệp Hoa Kỳ vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp cận công nghệ thế giới nhanh chóng hơn...; chú trọng thu hút FDI bằng nhân lực chất lượng cao, bằng sự minh bạch, công bằng để cải thiện vị thế tham gia của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

5. Bàn luận

Thứ nhất: Trao đổi thương mại quốc tế là tất yếu khách quan trong thời đại toàn cầu hóa.

Trao đổi thương mại quốc tế là tất yếu khách quan. Các lý thuyết thương mại quốc tế đều có điểm chung dựa trên quy luật kinh tế đó là lợi ích của các quốc gia đạt được trong trao đổi thương mại. Các lợi ích không chỉ trong kinh tế mà còn tính đến các lợi ích trong các lĩnh vực khác như xã hội, an ninh quốc phòng, chính trị, môi trường, tài nguyên. Đây là vấn đề Chính phủ các nước cần xem xét thấu đáo, toàn diện trong các mối quan hệ song phương, đa phương.

Mặt khác lợi thế tuyệt đối sẽ giúp cho quốc gia có được lợi ích rất lớn trong thương mại quốc tế, tuy nhiên lợi thế tuyệt đối gần như không thể hoặc rất nhanh mất đi khi việc đan xen thương mại diễn ra nhanh và mạnh cộng với thay đổi của cuộc Cách mạng công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

Lợi thế so sánh là xu hướng chính trong thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Tuy nhiên lợi thế so sánh này cần tính đến các yếu tố như các nguồn lực, công nghệ, văn hóa, chính trị và các yếu tố khác khi tác động đến thương mại này

Việc áp dụng thuế đối ứng trong thương mại quốc tế cần tuân thủ quy luật kinh tế thị trường và luật chơi của các hiệp hội khi quốc gia đã ký kết. Mặt khác thuế đối ứng cũng chịu ảnh hưởng của vị thế quốc gia khi tham gia toàn cầu hóa.

Tuy nhiên việc áp dụng thuế đối ứng một cách bất công, không chỉ ra căn cứ xác đáng mà chỉ dựa trên vị thế quốc gia sẽ gây ra thiệt hại cho các đối tác thương mại và cho cả chính quốc gia đó nếu không điều chỉnh khôn ngoan, kịp thời.

Thứ hai: Việt Nam sử dụng thuế đối ứng với một số sản phẩm

Việt Nam cũng sử dụng thuế đối ứng với các sản phẩm của một số quốc gia khi xuất khẩu vào. Việc áp dụng thuế này đều có minh chứng rõ ràng, có mặt hàng cụ thể, có thời gian áp dụng. Đặc biệt có mặt hàng áp dụng thuế đối ứng sản phẩm thép trong 120 ngày. Việt Nam áp dụng thuế đối ứng linh hoạt mềm mỏng, không ảnh hưởng nhiều đến quan hệ thương mại quốc tế với quốc gia nhất là với Trung Quốc với tư cách đối tác lớn.

Thứ ba: Thích nghi và ứng biến với thuế đối ứng của Hoa kỳ đối với Việt Nam.

Tình huống thuế đối ứng của Hoa Kỳ đối với Việt Nam hiện nay vừa là thách thức và bài toán đặt ra cho doanh nghiệp và Chính phủ nhìn nhận một cách nghiêm túc. Việt Nam cần thay đổi cách tiếp cận về quan hệ thương mại quốc tế từ thế bị động sang chủ động và cần có sự cân bằng cả hai chiều giữa Việt Nam và Hoa Kỳ để đạt lợi ích tối ưu hơn trong quan hệ song phương này.

Về phía chính phủ: cần có những giải pháp thiết thực, cụ thể để tận dụng được khu vực FTA , đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó Chính phủ cũng cần thay đổi cấu trúc chuỗi sản xuất, thu hút FDI chất lượng cao; đẩy mạnh tái cấu trúc, tăng giá trị gia tăng của nền kinh tế.

Về phía doanh nghiệp: Cần thực hiện nghiêm túc đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật như: tuân thủ luật sở hữu trí tuệ, xuất sứ hàng hóa, đảm

bảo chất lượng sản phẩm theo đúng cam kết…

Việt Nam đã phản ứng một cách chủ động và linh hoạt trước quyết định áp thuế đối ứng của Hoa Kỳ, thông qua các biện pháp ngoại giao, đàm phán song phương, điều chỉnh chính sách thuế và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước. Những nỗ lực này nhằm duy trì và thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại ổn định, cùng có lợi giữa hai bên. Tuy nhiên Việt Nam cũng cần chuẩn bị các kịch bản cho các mức thuế có thể xảy ra và có chiến lược điều chỉnh chiến lược thương mại quốc tế thích ứng phù hợp trong giai đoạn mới, đảm bảo an ninh quốc gia và mục tiêu phát triển trong kỷ nguyên vươn mình đặt ra.

Đồng thời đẩy mạnh hơn nữa khu vực kinh tế tư nhân phát triển (đặc biệt thực hiện các mục tiêu Nghị Quyết 68 năm 2025 về kinh tế tư nhân), trong đó ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu. Chính phủ cũng tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược của đất nước. Cùng với khu vực kinh tế nhà nước, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân chính là phát huy nội lực quốc gia trong quá trình phát triển. Đây là điểm cốt lõi của bất cứ quốc gia nào muốn "độc lập, tự cường" trong thế giới hiện đại kể cả Việt Nam.

6. Kết luận

Lý thuyết thương mại quốc tế từ kinh tế cổ điển đến kinh tế hiện đại đều khẳng định việc trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia sẽ đem lại lợi ích chung nếu mỗi nước chuyên môn hóa theo thế mạnh tương đối của mình. Tuy nhiên, trong thực tiễn, các quan hệ thương mại không chỉ thuần túy tuân theo logic kinh tế mà còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, chiến lược và mất cân bằng thương mại kéo dài. Khi một quốc gia cho rằng đối tác thương mại đang có hành vi không công bằng - chẳng hạn như trợ cấp xuất khẩu, bán phá giá, hoặc áp thuế phi lý - thì việc áp dụng thuế đối ứng trở thành một công cụ phòng vệ thương mại nhằm tái lập sự cân bằng và bảo vệ lợi ích quốc gia.

Việc sử dụng thuế đối ứng không phủ nhận giá trị của tự do thương mại, mà nhấn mạnh đến nhu cầu bảo vệ công bằng trong thương mại toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và môi trường chính trị - kinh tế quốc tế biến động, các quốc gia cần vận dụng linh hoạt cả lý thuyết kinh tế lẫn chính sách thương mại phù hợp để đảm bảo phát triển bền vững, đồng thời duy trì trật tự thương mại công bằng và minh bạch.

Tài liệu tham khảo

Bhagwati, J. (2004). *In defense of globalization*. New York, NY: Oxford University Press.

Bo Cong Thuong. (2018). *Ap dung bien phap tu ve chinh thuc doi voi san pham phan bon DAP va MAP nhap khau vao Viet Nam (ma vu viec SG06)*. Truy cap ngay 02 thang 5 nam 2025 tu https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/ap-dung-bien-phap-tu-ve-chinh-thuc-doi-voi-san-pham-phan-bon.html.

Bo Cong Thuong. (2025). *Ap dung thue chong ban pha gia tam thoi doi voi mot so san pham thep ma co xuat xu tu Trung Quoc va Han Quoc*. Truy cap ngay 03 thang 5 nam 2025 tu https://moit.gov.vn/tin-tuc/thong-bao/ap-dung-thue-chong-ban-pha-gia-tam-thoi-doi-voi-mot-so-san-pham-thep-ma-co-xuat-xu-tu-trung-quoc-va-han-quoc.html

Chang, H.-J. (2002). *Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective*. London: Anthem Press.

Hung, D. (2025). *Viet Nam ap thue chong ban pha gia thep ma Trung Quoc, Han Quoc.* Truy cap ngay 6 thang 5 nam 2025 tu https://cafef.vn/viet-nam-ap-thue-chong-ban-pha-gia-thep-ma-trung-quoc-han-quoc-188250402011535901.chn?utm_source=chatgpt.com.

huong the nao toi loi nhuan nhom ngan hang. Truy cap ngay 01 thang 5 nam 2025 tu https://www.vneconomy.vn/thue-doi-ung-cua-my-gay-anh-huong-the-nao-toi-loi-nhuan-nhom-ngan-hang.htm.

Long, T. & Ban, T. (2022), *Khong gia han ap dung bien phap tu ve doi voi san pham phan bon DAP, MAP nhap khau: Ghi nhan tai mot so don vi.* Truy cap ngay 01 thang 5 nam 2025 tu https://tapchicongthuong.vn/khong-gia-han-ap-dung-bien-phap-tu-ve-doi-voi-san-pham-phan-bon-dap--map-nhap-khau--ghi-nhan-tai-mot-so-don-vi-100261.htm.

Minh, A. (2022). Viet Nam ap thue chong ban pha gia voi duong co nguon goc tu Thai Lan. Truy cap ngay 10 thang 5 nam 2025 tu https://vnexpress.net/viet-nam-ap-thue-chong-ban-pha-gia-voi-duong-co-nguon-goc-tu-thai-lan-4494839.html?utm_source=chatgpt.com

Minh, T. (2025). *Thue doi ung cua My gay anh*

Rodrik, D. (2011). *The Globalization Paradox: Democracy and the Future of the World Economy*. New York & London: W. W. Norton & Company.

Stiglitz, J. E. (2002). *Globalization and its discontents*. New York, NY: W. W. Norton & Company.

Thao, T. (2023) *9 doanh nghiep duong mia Thai Lan duoc giam thue chong ban pha gia khi xuat khau vao Viet Nam.* Truy cap ngay 5 thang 5 nam 2025 tu https://tapchicongthuong.vn/9-doanh-nghiep-duong-mia-thai-lan-duoc-giam-thue-chong-ban-pha-gia-khi-xuat-khau-vao-viet-nam-108874.htm.

Thuong, T. (2025). Thue doi ung 46% tu My: Cac phan ung cua doanh nghiep Viet Nam. Truy cap ngay 01 thang 5 nam 2025 tu https://dantri.com.vn/kinh-doanh/thue-doi-ung-46-tu-my-cac-phan-ung-cua-doanh-nghiep-viet-nam-20250403132710235.htm.

Trung tam WTO va Hoi nhap Lien doan Thuong mai va Cong nghiep Viet Nam (VCCI). (2022). *Duong ban pha gia tu Thai Lan duoc ngan chan, mia duong trong nuoc tiep da hoi sinh.* Truy cap ngay 6 thang 5 nam 2025 tu https://trungtamwto.vn/tin-tuc/20686-duong-ban-pha-gia-tu-thai-lan-duoc-ngan-chan-mia-duong-trong-nuoc-tiep-da-hoi-sinh?utm_source=chatgpt.com.

Trung, C. (2025). *Ap thue chong ban pha gia 15% den 37% voi thep ma tu Trung Quoc, Han Quoc.* Truy cap ngay 8 thang 5 nam 2025 tu https://tuoitre.vn/ap-thue-chong-ban-pha-gia-15-den-37-voi-thep-ma-tu-trung-quoc-han-quoc-20250401205303165.htm?utm_source=chatgpt.com.

THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THUẾ ĐỐI ỨNG Ở VIỆT NAM

Trần Thị Hằng[1]
Nguyễn Văn Trọng[2]

[1, 2]Trường Đại học Thành Đô
Email: *hanghavkt@gmail.com*[1]*; nvtrong@thanhdouni.edu.vn*[2]
Ngày nhận bài: 27/5/2025; Ngày phản biện: 3/6/2025; Ngày tác giả sửa: 13/6/2025;
Ngày duyệt đăng: 26/6/2025
DOI: *https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i2.245*

Tóm tắt: *Trong thương mại quốc tế, việc sử dụng thuế đối ứng là một trong công cụ của các quốc gia nhằm bảo vệ lợi ích cho doanh nghiệp nội địa khi hội nhập, mở cửa. Bài viết lựa chọn nghiên cứu 6 lý thuyết thương mại quốc tế từ kinh tế cổ điển đến kinh tế hiện đại nhằm lý giải phần nào các quốc gia áp dụng thuế đối ứng. Bài viết cũng lý giải việc Việt Nam áp dụng thuế đối ứng trong một số sản phẩm từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan xuất khẩu sang; đồng thời cũng phân tích phản ứng của Việt Nam khi bị Hoa Kỳ áp thuế đối ứng hiện nay và đưa ra các phân tích, bàn luận liên quan.*

Từ khóa: *Ở Việt Nam; Thương mại quốc tế; Thuế đối ứng.*